

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 848/TC-QĐ-TCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 11 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH SỐ 848/TC-QĐ-TCT NGÀY 01 THÁNG 11 NĂM 1997 VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ XUNG TÊN VÀ THUẾ SUẤT CỦA MỘT SỐ NHÓM, MẶT HÀNG TRONG BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

- Căn cứ Điều 8, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được Quốc hội thông qua ngày 26/12/1991;
- Căn cứ các khung thuế suất thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Nghị quyết số 537a/NQ-HĐNN8 ngày 22/2/1992 của Hội đồng Nhà nước; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 31/NQ-UBTVQH9 ngày 9/3/1993, Nghị quyết số 174/NQ-UBTVQH9 ngày 26/3/1994, Nghị quyết số 290 NQ/UBTVQH9 ngày 7/9/1995, Nghị quyết số 293 NQ/UBTVQH9 ngày 08/11/1995, Nghị quyết số 416 NQ/UBTVQH9 ngày 5/8/1997 của Ủy ban thường vụ khóa 9;
- Căn cứ thẩm quyền quy định tại Điều 3 - Quyết định số 280/TTg ngày 28/5/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu kèm theo Nghị định số 54/CP.

Sau khi có ý kiến của các Bộ, ngành;

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung, chi tiết tên và thuế suất thuế nhập khẩu của một số nhóm mặt hàng qui định tại Biểu thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 280/TTg ngày 28/5/1994 của Thủ tướng Chính phủ và các Danh mục sửa đổi, bổ sung Biểu thuế nhập khẩu ban hành kèm theo các Quyết định số 615A TC/TCT/QĐ ngày 10/6/1995; Quyết định số 1188 TC/QĐ/TCT ngày 20/11/1995; Quyết định số 1233 TC/QĐ/TCT ngày 9/12/1995; Quyết định số 443 TC/QĐ/TCT ngày 4/5/1996, Quyết định số 861A TC/QĐ/TCT ngày 15/9/1996, Quyết định số 02 TC/QĐ/TCT ngày 2/1/1997, Quyết định số 257 TC/QĐ/TCT ngày 31/3/1997, Quyết định số 496A TC/QĐ/TCT ngày 15/7/1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành tên và thuế suất thuế nhập khẩu mới ghi tại Danh mục sửa đổi tên và thuế suất thuế nhập khẩu một số nhóm mặt hàng ban hành kèm theo Quyết định này:

Điều 2: Sắp xếp lại mã số cho:

1. Một số mặt hàng: cây, củ, quả, hạt để làm giống như: Mặt hàng khoai tây để làm giống (vào mã số 0701.10); Hành, tỏi giống (vào mã số 0703.00.10); rau đậu khô để làm giống (vào mã số 0713.00.10), Đậu tương để làm giống (vào mã số 1201.00.10), lạc vỏ, lạc nhân để làm giống (vào mã số 1202.00.10); hạt hướng dương để làm giống (vào mã số 1206.00.10).
2. Mặt hàng kháng sinh nguyên liệu vào nhóm 2941.
3. Hỗn hợp có chủ định của kháng sinh với mục đích phòng bệnh và chữa bệnh chưa pha thành liều dùng hay chưa đóng gói để bán lẻ vào nhóm 3003.
4. Hỗn hợp có chủ định của kháng sinh với mục đích phòng bệnh và chữa bệnh đã pha thành liều dùng hay đã đóng gói để bán lẻ vào nhóm 3004.
5. Bộ lưu giữ điện (bộ nguồn cung cấp liên tục UPS) vào nhóm 8504.
6. Xe ô tô cứu thương, xe tang lễ, xe chở tù nhân vào nhóm 8703.

Điều 3: Thuế suất thuế nhập khẩu đối với bộ linh kiện ô tô dạng CKD1 có thân và vỏ xe đã sơn lót tĩnh điện (quy định tại Danh mục sửa đổi, bổ sung tên và thuế suất thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định này) chỉ được áp dụng cho các liên doanh ô tô trong từng trường hợp cụ thể, sau khi có Quyết định của Bộ Thương mại, theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 3998/KTN ngày 19/8/1996 của Văn phòng Chính phủ.

Điều 4: Mức thuế suất thuế nhập khẩu quy định cho mặt hàng Bóng đèn hình ti vi quy định tại Quyết định này được áp dụng cho các trường hợp nhập bóng đèn hình đồng bộ trong dạng linh kiện IKD ti vi hoặc nhập lẻ để thay thế, không áp dụng trong trường hợp nhập bóng đèn hình đồng bộ trong dạng linh kiện CKD, SKD ti vi.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực thi hành và được áp dụng cho tất cả các Tờ khai hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan bắt đầu từ ngày 1/12/1997.

DANH MỤC

SỬA ĐỔI TÊN VÀ THUẾ SUẤT MỘT SỐ NHÓM MẶT HÀNG
CỦA BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 848 TC/QĐ/TCT ngày 1 tháng 11 năm 1997
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Mã số	Nhóm hàng	Thuế suất (%)
1	2	3
0701	- Khoai tây tươi hoặc ướp lạnh	
0701.10	-- Để làm giống	0
0701.90	-- Loại khác	20
0703.00	- Hành, hành tằm, tỏi, tỏi tây, các loại rau họ hành, tỏi khác tươi hoặc ướp lạnh	
0703.00.10	-- Để làm giống	0
0703.00.90	-- Loại khác	20
0713.00	- Rau đậu khô các loại, đã bóc vỏ quả, đã hoặc chưa bóc vỏ hạt hoặc làm vỡ hạt	
0713.00.10	-- Để làm giống	0
0713.00.90	-- Loại khác	25
0813	Quả khô, trừ các loại quả thuộc nhóm từ 0801 đến 0806; hỗn hợp các loại quả hạch hoặc quả khô thuộc chương này	
0813.10	- Mơ	30
0813.20	- Mận đỏ	30
0813.30	- Táo tây	30

0813.40	- Loại khác:	
0813.40.10	-- Táo tàu	10
0813.40.90	-- Loại khác	30
0813.50	- Hỗn hợp các loại quả hạch, quả khô thuộc chương này	30
1201.00	- Đậu tương, hạt hoặc mảnh	
1201.00.10	-- Để làm giống	0
1201.00.90	-- Loại khác	10
1202.00	- Lạc vỏ hoặc lạc nhân chưa rang hoặc chưa chế biến cách khác, đã hoặc chưa vỡ mảnh	
1202.00.10	-- Để làm giống	0
1202.00.90	-- Loại khác	30
1206.00	- Hạt hướng dương, đã hoặc chưa vỡ mảnh	
1206.00.10	-- Để làm giống	0
1206.00.90	-- Loại khác	30
2103	Nước sốt và các chế phẩm để làm nước sốt; các gia vị tổng hợp và mì chính tổng hợp; bột mịn và bột thô từ hạt mù tạt và mù tạt chế biến	
2103.10	- Nước xốt đậu tương (kể cả magi)	40
2103.20	- Nước xốt cà chua nấm và nước xốt cà chua khác	40
2103.30	- Bột mịn, bột thô từ hạt mù tạt và mù tạt chế biến	40

2103.90	- Loại khác:	
2103.90.10	-- Mì chính	50
2103.90.20	-- Bột canh	40
2103.90.30	-- Nước mắm	40
2103.90.90	-- Loại khác	40
2201.00	- Các loại nước kể cả nước khoáng tự nhiên, hoặc nước khoáng nhân tạo và nước có ga, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác hoặc hương liệu; đá và tuyết	60
2202.00	- Các loại nước kể cả nước khoáng và nước có ga, đã pha thêm đường hoặc các chất ngọt khác hoặc hương liệu, và các loại đồ uống không có chất cồn, không bao gồm nước quả ép hoặc nước rau ép thuộc nhóm 2009	60
2209.00	- Giấm và các chất thay giấm làm từ axít axêtic	60
2523	Xi măng portland, xi măng có phèn, xi măng xỉ (xốp), xi măng Super Sunfat, xi măng đông kết trong nước tương tự, đã hoặc chưa nhuộm màu hoặc ở dạng clanhke	
2523.10	- Clanhke	5
	- Xi măng portland:	
2523.21	-- Xi măng trắng đã hoặc chưa nhuộm màu nhân tạo	20
2523.29	-- Loại khác	20